

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ

Mã số: 1020854

Tại Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc nhà nước khu vực II (Mã số 0112)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCN ngày tháng 8 năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM)

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	L	K	Dự toán đã giao năm 2026	Số điều chỉnh dự toán		Dự toán sau điều chỉnh
					Tăng	Giảm	
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
1	Số thu phí, lệ phí	340	341	1.960.000.000			1.960.000.000
1.1	Lệ phí			40.000.000			40.000.000
	Lệ phí cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ			40.000.000			40.000.000
1.2	Phí			1.920.000.000			1.920.000.000
	Phí thẩm định, cấp phép an toàn bức xạ			1.700.000.000			1.700.000.000
	Phí thẩm định cấp phép hoạt động KHCN			150.000.000			150.000.000
	Phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ			10.000.000			10.000.000
	Phí thẩm định điều kiện hoạt động BCVT			60.000.000			60.000.000
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	340	341	0			0
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	340	341	1.960.000.000			1.960.000.000
3.1	Lệ phí			40.000.000			40.000.000
	Lệ phí cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ			40.000.000			40.000.000

TT	Nội dung	L	K	Dự toán đã giao năm 2026	Số điều chỉnh dự toán		Dự toán sau điều chỉnh
					Tăng	Giảm	
3.2	Phí			1.920.000.000			1.920.000.000
	<i>Phí thẩm định cấp phép X quang</i>			<i>1.700.000.000</i>			<i>1.700.000.000</i>
	<i>Phí thẩm định cấp phép hoạt động KHCN</i>			<i>150.000.000</i>			<i>150.000.000</i>
	<i>Phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ</i>			<i>10.000.000</i>			<i>10.000.000</i>
	<i>Phí thẩm định điều kiện hoạt động BCVT</i>			<i>60.000.000</i>			<i>60.000.000</i>
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước			172.222.239.335	660.000.000	660.000.000	172.222.239.335
1	Chi quản lý hành chính	340	341	86.479.800.000	660.000.000	660.000.000	86.479.800.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			42.439.200.000			41.848.200.000
	- Chi từ ngân sách thành phố			32.754.200.000		591.000.000	32.163.200.000
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố			9.685.000.000			9.685.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			44.040.600.000			43.971.600.000
	- Chi từ ngân sách thành phố			14.423.600.000		69.000.000	14.354.600.000
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố			29.617.000.000			29.617.000.000
	+ Chi thu nhập tăng thêm theo NQ số 27			27.865.000.000			27.865.000.000
	+ Quỹ khen thưởng theo NĐ 73			1.752.000.000			1.752.000.000
1.3	Tiết kiệm chi NSNN theo Nghị quyết số 135/NQ-CP (mã nguồn 28)			0	660.000.000		660.000.000
2	Sự nghiệp KH, CN, ĐMST & CDS	100		85.742.439.335	0	0	85.742.439.335
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH, CN		108	27.566.395.000			27.566.395.000

TT	Nội dung	L	K	Dự toán đã giao năm 2026	Số điều chỉnh dự toán		Dự toán sau điều chỉnh
					Tăng	Giảm	
2.2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ ĐMST		111	11.634.768.000			11.634.768.000
2.3	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số		121	46.517.276.335			46.517.276.335
2.4	Giữ lại dự toán chăm lo Tết Bính Ngọ năm 2026 của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ do đơn vị đã trực thuộc UBND Thành phố		108	24.000.000			24.000.000

Ghi chú:

- Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 đã giảm trừ khoản tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, tiết kiệm 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội theo Nghị quyết số 245/2025/QH15 của Quốc hội và đã được giữ lại ở ngân sách Thành phố.

- Nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị được sử dụng cho nhu cầu chi chính sách tăng lương cơ sở theo lộ trình của Chính phủ, chi tính gián biên chế, chi Quỹ tiền thưởng, chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù của Thành phố và các văn bản quy định hiện hành.

- Ngân sách Thành phố giao kinh phí tự chủ theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng.

- Chi tiết kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (340-341):

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Dự toán đã giao năm 2026	Số điều chỉnh dự toán		Dự toán sau điều chỉnh
			Tăng	Giảm	
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	44.040.600.000	0	69.000.000	43.971.600.000
1	Chi thu nhập tăng thêm theo NQ 27/2025/HĐND	27.865.000.000			27.865.000.000
2	Quỹ khen thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	1.752.000.000			1.752.000.000
3	Trợ cấp thôi việc	1.982.789.058			1.982.789.058
4	Hỗ trợ tiền thuê nhà ở (Nghị quyết số 24/2025/NQ-NĐND)	2.967.000.000			2.967.000.000

TT	Nội dung	Dự toán đã giao năm 2026	Số điều chỉnh dự toán		Dự toán sau điều chỉnh
			Tăng	Giảm	
5	Phụ cấp công chức làm về nghiệp vụ chuyên môn pháp chế	127.000.000			127.000.000
6	Hoạt động kiểm tra KH&CN	364.800.000			364.800.000
7	Tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo	8.000.000			8.000.000
8	Kinh phí hoạt động kiểm tra xử phạt VPHC	2.000.000			2.000.000
9	Kinh phí thực hiện kiểm soát TTHC	16.000.000			16.000.000
10	Kinh phí hoạt động công tác Đảng	233.000.000			233.000.000
11	Kinh phí hoạt động thu phí, lệ phí	80.000.000			80.000.000
12	Kinh phí duy trì hoạt động ISO	80.000.000			80.000.000
13	Hoạt động tuyên truyền phổ biến PL, tăng cường năng lực cho CBCC trong lĩnh vực KH&CN	58.000.000			58.000.000
14	Thanh toán phí sử dụng tài nguyên viễn thông cho đầu số 1022	50.000.000			50.000.000
15	Kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ bưu chính	40.000.000			40.000.000
16	Điều tra thống kê dịch vụ bưu chính công ích	20.000.000			20.000.000
17	Phụ cấp cán bộ Phụ trách CNTT	420.000.000			420.000.000
18	Chi hỗ trợ CBCC tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng	400.000.000		69.000.000	331.000.000
19	Kinh phí đảm bảo công tác xây dựng văn bản QPPL	1.361.200.000			1.361.200.000
20	Sửa chữa xe ô tô dùng chung	47.200.000			47.200.000
21	Sửa chữa cơ sở vật chất	5.258.810.942			5.258.810.942
22	Mua sắm TSCĐ: 23 máy điều hòa không khí	186.400.000			186.400.000
23	Kinh phí chăm lo Tết Bính Ngọ năm 2026	284.000.000			284.000.000
24	Kinh phí thuê dịch vụ vận chuyển, di dời tài sản, hồ sơ tài liệu tại cơ sở Bà Rịa - Vũng Tàu	437.400.000			437.400.000